



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN xxx:2019/BTTTT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CẤU TRÚC, ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU GÓI TIN PHỤC VỤ
KẾT NỐI CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA VỚI CÔNG
DỊCH VỤ CÔNG, HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA CẤP
BỘ, CẤP TỈNH VÀ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA,
CHUYÊN NGÀNH**

**National technical regulation
On data formats of messages to connect national public service
portal with public ministerial/provincial service portal, one-stop
information system and national/specialised database system**

HÀ NỘI - 2019

1. QUY ĐỊNH CHUNG	4
1.1. Phạm vi áp dụng	4
1.2. Đối tượng áp dụng	4
1.3. Tài liệu viện dẫn	4
1.4. Giải thích từ ngữ	4
1.4.1. Cổng Dịch vụ công (DVC) quốc gia	4
1.4.2. Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh	4
1.5. Ký hiệu và chữ viết tắt.....	5
2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT	5
2.1. Quy định kỹ thuật về các gói tin cơ bản phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia	5
2.2. Quy định kỹ thuật về định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng DVC và hệ thống thông tin MCĐT với Cổng DVC quốc gia.....	7
2.2.1 Quy định định dạng dữ liệu các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính;	7
2.2.1.1 Quy định định dạng dữ liệu gói tin Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia.....	7
2.2.1.2 Quy định định dạng dữ liệu gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC.....	12
2.2.2 Quy định định dạng dữ liệu gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công (Vote);	12
2.2.3 Quy định định dạng dữ liệu gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.....	13
2.2.4 Quy định kỹ thuật về các gói tin phục vụ đồng bộ người dùng, phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia	15
2.2.4.1 Quy định định dạng dữ liệu các gói tin đồng bộ người sử dụng của Cổng DVC, hệ thống MCĐT cấp bộ, tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, phục vụ Đăng nhập một lần (Single Sign On(Citizen/SyncSSO)).....	15
2.2.4.2 Quy định định dạng dữ liệu gói tin thêm mới Người sử dụng lên Cổng DVC quốc gia (Citizen/UpdateCitizen).....	16
2.2.4.3 Quy định định dạng dữ liệu gói tin Xóa Người sử dụng trên Cổng DVC quốc gia (Citizen/DeleteCitizen).....	18
2.2.4.4 Quy định định dạng dữ liệu gói tin xác thực tài khoản trên Cổng DVC quốc gia (Citizen/Authenticate)	19
3. PHƯƠNG PHÁP ĐO	21
4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ.....	21
5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....	21
6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	22

Lời nói đầu

QCVN XXX:2019/BTTTT do Cục Tin học hóa biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ thẩm định và trình duyệt, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BTTTT ngày tháng năm 2019.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CẤU TRÚC, ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU GÓI TIN PHỤC VỤ KẾT NỐI CÔNG DỊCH VỤ
CÔNG QUỐC GIA VỚI CÔNG DỊCH VỤ CÔNG, HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA CẤP
BỘ, CẤP TỈNH VÀ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA, CHUYÊN NGÀNH**

**National technical regulation
on formats of messages to connect national public service portal with public
ministerial/provincial service portal, one-stop information system and
national /specialised database system**

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định:

- Quy định kỹ thuật về các gói tin cơ bản phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia
- Quy định kỹ thuật về định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng DVC và hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia:
 - + Quy định định dạng gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính;
 - + Quy định định dạng gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công;
 - + Quy định định dạng gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
 - + Quy định kỹ thuật về các gói tin phục vụ đồng bộ người dùng, phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia.

1.2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, cung cấp giải pháp Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; giải pháp kết nối giữa Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành với Cổng DVC quốc gia thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này trên phạm vi toàn quốc

1.3. Tài liệu viện dẫn

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 24/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

1.4. Giải thích từ ngữ

1.4.1. Cổng Dịch vụ công (DVC) quốc gia

Cổng Dịch vụ công quốc gia là cổng tích hợp thông tin về dịch vụ công trực tuyến, tình hình giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở kết nối, truy xuất dữ liệu từ các Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các giải pháp hỗ trợ nghiệp vụ, kỹ thuật do Văn phòng Chính phủ thống nhất xây dựng, quản lý.

1.4.2. Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh

Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh là cổng tích hợp thông tin về dịch vụ công trực tuyến, về tình hình giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở tích hợp và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

1.4.3 Hệ thống thông tin một cửa điện tử (MCĐT) cấp bộ, cấp tỉnh

Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh là hệ thống thông tin nội bộ có chức

năng hỗ trợ việc tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống quản lý văn bản để xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh để đăng tải công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến.

1.5. Ký hiệu và chữ viết tắt

Cổng DVC quốc gia	Cổng dịch vụ công quốc gia
Hệ thống MCĐT	Hệ thống một cửa điện tử
TTHC	Thủ tục hành chính
XML	eXtensible Markup Language (Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng)
JSON	JavaScript Object Notation (Ký hiệu đối tượng JavaScript)

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định kỹ thuật về các gói tin cơ bản phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia

Hệ thống thông tin MCĐT và Cổng DVC cấp bộ, cấp tỉnh cần tuân thủ các gói tin cơ bản phục vụ kết nối, tích hợp với Cổng DVC quốc gia, tuân thủ khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để đăng tải công khai tình trạng, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp các DVC trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia. Các gói tin bao gồm:

Bảng 1. Các gói tin phục vụ kết nối, tích hợp với Cổng DVC quốc gia

STT	Gói tin	Mô tả
1	Các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Document)	
1.1	Document/Sync Document	<p>Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC từ Hệ thống thông tin MCĐT/Cổng DVC cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia.</p> <p>Gói tin này được sử dụng để gửi hoặc cập nhật thông tin hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu thông tin hồ sơ.</p> <p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật trạng thái xử lý hồ sơ Ký duyệt, trả kết quả, Kết thúc, Hủy, ...(theo trường dữ liệu Status trong gói tin); - Cập nhật trạng thái yêu cầu bổ sung hồ sơ (theo trường dữ liệu Supplementaries trong gói tin).

1.2	Document/UpdateDocumentTraces	<p>Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC.</p> <p>Gói tin này để cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ.</p>
2	Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công (Vote)	
2.1	Vote/UpdateVote	Cập nhật số liệu thăm dò ý kiến người dùng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia
3	Gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Statistic)	
3.1	Statistic/UpdateStatistic	<p>Cập nhật số liệu thống kê của của các cơ quan, đơn vị xử lý TTHC thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gói tin này chỉ hỗ trợ thống kê các mốc thời gian cố định: Hàng tháng, hàng năm; - Trường hợp nếu muốn tổng hợp số liệu theo một khoảng thời gian bất kỳ: Bộ/tỉnh phải cung cấp Giao diện lập trình ứng dụng/dịch vụ để Cổng DVC quốc gia gọi lấy thông tin khi có yêu cầu.
4	Các gói tin phục vụ đồng bộ người sử dụng (Citizen)	
4.1	Citizen/SyncSSO	Đồng bộ dữ liệu người sử dụng của Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh Cổng DVC quốc gia, phục vụ Đăng nhập một lần (Single Sign On)
4.2	Citizen/UpdateCitizen	Thêm mới người sử dụng từ Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia
4.3	Citizen/DeleteCitizen	Xóa Người sử dụng từ Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh và đồng thời trên Cổng DVC quốc gia
4.4	Citizen/Authenticate	<ul style="list-style-type: none"> - Xác thực tài khoản giữa Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia. Khi xác thực thành công, Cổng trả về thông tin công dân. - Đối với Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh chưa có tài khoản người dùng trên

		Cổng DVC quốc gia, thì sẽ tự động thêm tài khoản người dùng này dựa trên thông tin công dân mà Cổng DVC quốc gia trả về.
--	--	--

2.2. Quy định kỹ thuật về định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối cổng DVC và hệ thống thông tin MCĐT với Cổng DVC quốc gia

2.2.1 Quy định định dạng dữ liệu các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

2.2.1.1 Quy định định dạng dữ liệu gói tin Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia

Gói tin Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON, đường dẫn thực hiện việc gửi gói tin đồng bộ có thể bao gồm tham số isUpdating với 02 giá trị gồm:

- True: Cập nhật;
- False: Thêm mới (mặc định).

Các trường thông tin của gói tin được mô tả trong Bảng 2, thông tin chi tiết như sau:

Bảng 2. Các trường thông tin Document/Sync Document

STT	Tên trường thông tin	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Yêu cầu	Ghi chú
1	DocTypeCode	Kiểu string	Mã thủ tục hành chính trong hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Thủ tục hành chính.	Bắt buộc	
2	DocTypeName	Kiểu string	Tên thủ tục.	Bắt buộc	
3	DocCode	Kiểu string	Lấy hoặc thiết lập Mã hồ sơ đã được đơn vị thụ lý đồng ý tiếp nhận.	Bắt buộc	
5	CitizenName	Kiểu string	Tên Công dân, Tổ chức đăng ký hồ sơ một cửa.	Bắt buộc	
6	CitizenInfo	Kiểu string	Thông tin khác về công dân, tổ chức.	Không bắt buộc	
7	ApplicantsId	Kiểu string	Mã đối tượng nộp hồ sơ.	Bắt buộc	
8	ApplicantsType	Kiểu integer	Kiểu đối tượng nộp hồ sơ: - 1: Người dân; - 2: Doanh nghiệp;	Bắt buộc	

			- 3: Cơ quan nhà nước; - 4: Tổ chức khác.		
9	DiaChi	Kiểu string	Địa chỉ công dân, tổ chức.	Không bắt buộc	
10	Email	Kiểu string	Địa chỉ thư điện tử của công dân, tổ chức.	Không bắt buộc	
11	Phone	Kiểu string	Số điện thoại liên hệ của công dân, tổ chức.	Bắt buộc	
12	Compendium	Kiểu string	Trích yếu hồ sơ một cửa.	Không bắt buộc	
13	DateReceived	Kiểu date	Ngày tiếp nhận hồ sơ.	Bắt buộc	
14	DateAppointed	Kiểu date	Ngày hẹn trả hồ sơ.	Bắt buộc	
15	IsSuccess	Kiểu boolean	Trạng thái xử lý cuối cùng của hồ sơ. - True: Đã duyệt; - False: Không duyệt; - Null: Chưa duyệt kết quả.	Bắt buộc	
16	SuccessDate	Kiểu date	Ngày duyệt hồ sơ.	Bắt buộc	
17	ApproverName	Kiểu string	Người duyệt hồ sơ.	Không bắt buộc	
18	ApproverPosition	Kiểu string	Chức vụ của người duyệt hồ sơ.	Không bắt buộc	
19	SuccessNote	Kiểu string	Thông tin Duyệt hồ sơ Ví dụ: lý do không duyệt.	Không bắt buộc	
20	IsReturned	Kiểu boolean	Tập trạng thái đã trả kết quả hồ sơ: - True: Đã trả kết quả; - False: Chưa trả kết quả; - Null: Không trả kết quả.	Bắt buộc	

21	ReturnedDate	Kiểu date	Ngày trả kết quả hồ sơ cho công dân, tổ chức.	Bắt buộc	
22	ReturnNote	Kiểu string	Thông tin trả kết quả Ví dụ: Ông bà Nguyễn Văn A đã nhận kết quả hồ sơ (0987987894).	Không bắt buộc	
23	ReturnedType	Kiểu integer	Hình thức trả kết quả: 0 - Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; 1 - Trả kết quả qua đường bưu điện.	Bắt buộc	
24	FinishedDate	Kiểu date	Ngày kết thúc xử lý hồ sơ.	Không bắt buộc	
25	Status	Kiểu integer	Trạng thái xử lý hồ sơ một cửa: - 0: Hồ sơ đã được tiếp nhận; - 1: Hồ sơ đang xử lý; - 2: Hồ sơ đã có kết quả.	Bắt buộc	
26	ProcessingOrganName	Kiểu string	Tên đơn vị thụ lý hồ sơ một cửa. Ví dụ: Sở TTTT Tỉnh BRVT.	Bắt buộc	
27	HasSupplementary	Kiểu boolean	Trạng thái hồ sơ đang có yêu cầu bổ sung hay không: - True: Có yêu cầu bổ sung; - False: Không có yêu cầu bổ sung.	Không bắt buộc	
28	RequireSupplementaryDate	Kiểu date	Lấy hoặc thiết lập ngày yêu cầu bổ sung.	Không bắt buộc	
29	Note	Kiểu string	Ghi chú thông tin khác.	Không bắt buộc	
30	Attachments	Kiểu Collection of Attachment	Lấy hoặc thiết lập Các tệp đính kèm liên quan.	Bắt buộc.	
30.1	AttachmentId	Kiểu interger	Id của tệp đính kèm trong hệ thống Cơ quan thụ lý.	Bắt buộc	

30.2	AttachmentName	Kiểu string	Tên file đính kèm.	Bắt buộc	
30.3	IsDeleted	Kiểu boolean	Giá trị chỉ ra tệp đính kèm này đã bị xóa.	Không bắt buộc	
30.4	Base64	Kiểu string	Lưu giá trị file đính kèm được mã hóa.	Bắt buộc	
30.5	IsVerified	Kiểu boolean	Các tệp (thành phần hồ sơ) đính kèm gắn liền với hồ sơ của người sử dụng đã được xác thực.	Bắt buộc	
31	DocFees	Kiểu Collection of DocFee	Lệ phí đã thu kèm theo hồ sơ một cửa.	Không bắt buộc	
31.1	FeeName	Kiểu string	Tên Lệ phí.	Bắt buộc	
31.2	Price	Kiểu decimal	Số tiền thu.	Bắt buộc	
31.3	FeeType	Kiểu integer	Loại Lệ phí thu: - 1: Lệ phí thu khi tiếp nhận hồ sơ; - 2: Lệ phí thu khi bổ sung hồ sơ; - 4: Lệ phí thu khi trả kết quả.	Bắt buộc	
32	DocPapers	Kiểu Collection of DocPaper	Giấy tờ thu kèm theo hồ sơ một cửa.	Không bắt buộc	
32.1	PaperName	Kiểu string	Tên giấy tờ.	Bắt buộc	
32.2	Amount	Kiểu interger	Số lượng.	Bắt buộc	
32.3	PaperType	Kiểu interger	Loại giấy tờ thu: - 1: Giấy tờ thu khi tiếp nhận hồ sơ; - 2: Giấy tờ thu khi bổ sung hồ sơ; - 4: Giấy tờ thu khi trả kết quả.	Bắt buộc	

33	Supplementaries	Kiểu Collection of Supplementary	Danh sách các yêu cầu bổ sung hồ sơ.	Không bắt buộc	
33.1	SupplementaryId	Kiểu Integer	Id của Yêu cầu bổ sung trong hệ thống Cơ quan thụ lý.	Bắt buộc	
33.2	SendUser	Kiểu string	Người gửi yêu cầu bổ sung.	Bắt buộc	
33.3	SendComment	Kiểu string	Nội dung yêu cầu bổ sung.	Bắt buộc	
33.4	SendDate	Kiểu datetime	Ngày gửi yêu cầu bổ sung.	Bắt buộc	
33.5	ReceivedUser	Kiểu string	Người tiếp nhận Bổ sung hồ sơ từ công dân.	Không bắt buộc	
33.6	ReceivedComment	Kiểu string	Thông tin tiếp nhận. Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A đã bổ sung đầy đủ ...	Không bắt buộc	
33.7	ReceivedDate	Kiểu datetime	Ngày tiếp nhận bổ sung hồ sơ.	Bắt buộc	
33.8	IsReceived	Kiểu boolean	Trạng thái bổ sung hồ sơ: - True: Công dân đã bổ sung đầy đủ thủ tục hồ sơ; - False: Công dân không bổ sung hồ sơ (quá hạn bổ sung); - Null: Công dân chưa tới bổ sung hồ sơ (còn hạn).	Bắt buộc	
33.9	Papers	Kiểu Collection of DocPaper	Danh sách giấy tờ bổ sung.	Không bắt buộc	Xem trường 32
33.10	Fees	Kiểu Collection of DocFee	Danh sách lệ phí bổ sung	Không bắt buộc	Xem trường 31
33.11	OldDateAppointed	Kiểu Datetime	Ngày hẹn trả trước khi bổ sung.	Bắt buộc	
33.12	NewDateAppointed	Kiểu Datetime	Ngày hẹn trả mới sau khi bổ sung hồ sơ.	Không bắt buộc	
34	OrganInchargeIdLevel1	Kiểu string	- Mã cấp I của cơ quan, tổ chức là đầu mối (Bộ, tỉnh...) kết nối với Cổng DVCQG	Bắt buộc	

			- Đối với các Bộ, tỉnh: sử dụng mã cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT.		
35	OrganInchargeName	Kiểu string	Tên cơ quan, tổ chức là đầu mối kết nối với Cổng DVCQG (Bộ, tỉnh).	Bắt buộc	

2.2.1.2 Quy định định dạng dữ liệu gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC

Gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON, chi tiết xem Bảng 3, một số trường thông tin chính như sau:

Bảng 3. Các trường thông tin Document/UpdateDocumentTraces

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Yêu cầu	Ghi chú
1	DocumentId	Kiểu string	Id của hồ sơ một cửa trong hệ thống của Đơn vị xử lý.	Bắt buộc	
2	DocCode	Kiểu string	Mã hồ sơ.	Bắt buộc	
3	UserName	Kiểu string	Người xử lý.	Bắt buộc	
4	UserPosition	Kiểu string	Chức vụ của người xử lý.	Bắt buộc	
5	DateCreated	Kiểu date	Thời điểm xử lý hồ sơ.	Bắt buộc	
6	Comment	Kiểu string	Nội dung xử lý.	Không bắt buộc	
7	Status	Kiểu integer	Trạng thái hồ sơ.	Không bắt buộc	
8	OrganizationInchargeIdLevel1	Kiểu string	- Mã cấp 1 của cơ quan, tổ chức là đầu mối (Bộ, tỉnh...) kết nối với Cổng DVCQG. - Đối với các Bộ, tỉnh: sử dụng mã cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT.	Bắt buộc	
9	OrganizationInchargeName	Kiểu string	Tên cơ quan, tổ chức là đầu mối kết nối với Cổng DVCQG (Bộ, tỉnh).	Bắt buộc	

2.2.2 Quy định định dạng dữ liệu gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công (Vote);

Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON, chi tiết xem Bảng 4, một số trường thông tin chính như sau:

Bảng 4. Các trường thông tin Votes

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Yêu cầu	Ghi chú
-----	------------	-------------------	-------	---------	---------

1	DateCreated	Kiểu date	Ngày tổng hợp số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công. Ví dụ: 18/7/2018.	Bắt buộc	
2	TotalVoted	Kiểu integer	Tổng số người tham gia đánh giá.	Bắt buộc	
3	PercentVeryGood	Kiểu decimal number	Phần trăm đánh giá dịch vụ là rất hài lòng.		
4	PercentGood	Kiểu decimal number	Phần trăm đánh giá dịch vụ là hài lòng.	Bắt buộc	
5	PercentBad	Kiểu decimal number	Phần trăm đánh giá dịch vụ là chưa hài lòng.	Bắt buộc	
6	Questions	Kiểu Collection of Question	Chi tiết nội dung thăm dò ý kiến.	Không bắt buộc	
6.1	DocTypeCode	Kiểu string	Mã thủ tục hành chính trong hệ thống Cơ sở dữ liệu Quốc gia về Thủ tục Hành chính	Không bắt buộc	
6.2	Content	Kiểu string	Nội dung thăm dò.	Bắt buộc	
6.3	PercentVeryGood	Kiểu decimal	Phần trăm đánh giá là rất hài lòng.	Bắt buộc	
6.4	PercentGood	Kiểu decimal	Phần trăm đánh giá là hài lòng.	Bắt buộc	
6.5	PercentBad	Kiểu decimal	Phần trăm đánh giá là chưa hài lòng.	Bắt buộc	
7	OrganizationInchargeIdlevel1	Kiểu string	- Mã cấp 1 của cơ quan, tổ chức là đầu mối (Bộ, tỉnh...) kết nối với Cổng DVCQG. - Đối với các Bộ, tỉnh: sử dụng mã cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT	Bắt buộc	
8	OrganizationInchargeName	Kiểu string	Tên cơ quan, tổ chức là đầu mối kết nối với Cổng DVCQG (Bộ, tỉnh).	Bắt buộc	

2.2.3 Quy định định dạng dữ liệu gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON, chi tiết xem Bảng 5, một số trường thông tin chính như sau:

Bảng 5. Các trường thông tin Statistic

STT	Tên trường	Định dạng dữ liệu	Mô tả	Yêu cầu	Ghi chú
1	Month	Kiểu integer	Tháng lấy số liệu.	Bắt buộc	
2	Year	Kiểu integer	Năm lấy số liệu.	Bắt buộc	
3	IsMonthStatistic	Kiểu boolean	Giá trị xác định số liệu thống kê theo tháng hoặc năm.	Bắt buộc	
4	NewReception	Kiểu integer	Số hồ sơ nhận trong kỳ.	Bắt buộc	
5	PreExisting	Kiểu integer	Số hồ sơ tồn kỳ trước chuyển sang.	Bắt buộc	
6	Total	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ xử lý trong kỳ.	Bắt buộc	
7	TotalSolved	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ đã xử lý trong kỳ.	Bắt buộc	
8	SolvedInTime	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ đã xử lý đúng hạn	Bắt buộc	
9	SolvedInTimePercent	Kiểu decimal number	Phần trăm hồ sơ đã xử lý đúng hạn.	Bắt buộc	
10	SolvedLate	Kiểu integer	Số hồ sơ đã xử lý trễ hạn.	Bắt buộc	
11	SolvedLatePercent	Kiểu decimal number	Phần trăm hồ sơ đã xử lý trễ hạn.	Bắt buộc	
12	TotalPending	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ chưa xử lý trong kỳ.	Bắt buộc	
13	Pending	Kiểu integer	Tổng số hồ sơ chưa xử lý trong hạn.	Bắt buộc	
14	PendingLate	Kiểu integer	Phần trăm hồ sơ chưa xử lý trong hạn.	Bắt buộc	
15	PendingLatePercent	Kiểu decimal	Số hồ sơ chưa xử lý quá hạn.	Bắt buộc	
16	PendingPercent	Kiểu decimal	Phần trăm hồ sơ chưa xử lý quá hạn.	Bắt buộc	
17	Note	Kiểu string	Ghi chú.	Không bắt buộc	
18	OrganizationInchargeldlevel1	Kiểu string	- Mã cấp 1 của cơ quan, tổ chức là đầu mối (Bộ, tỉnh...) kết nối với Cổng DVCQG - Đối với các Bộ, tỉnh: sử dụng mã cấp 1 theo QCVN 102:2016/BTTTT	Bắt buộc	

19	OrganizationInChargeName	Kiểu string	Tên cơ quan, tổ chức là đầu mối kết nối với Cổng DVCQG (Bộ, tỉnh)	Bắt buộc	
----	--------------------------	-------------	---	----------	--

2.2.4 Quy định kỹ thuật về các gói tin phục vụ đồng bộ người dùng, phục vụ kết nối cổng DVC và Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia

2.2.4.1 Quy định định dạng dữ liệu các gói tin đồng bộ người sử dụng của Cổng DVC, hệ thống MCĐT cấp bộ, tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, phục vụ Đăng nhập một lần (Single Sign On(Citizen/SyncSSO))

Gói tin đồng bộ người sử dụng của hệ thống MCĐT, Cổng DVC cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia bao gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON . Các trường thông tin của gói tin được mô tả như Bảng 6 như sau:

Bảng 6 – Các trường thông tin Citizen/SyncSSO

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
UserName	Tài khoản người dùng.	string	Bắt buộc	Data type: EmailAddress
PasswordHash	Dữ liệu mật khẩu sau khi đã được băm với muối (private key) PasswordSalt.	Collection of byte	Bắt buộc	
PasswordSalt	Muối dùng để băm mật khẩu.	Collection of byte	Bắt buộc	
FullName	Họ và tên người dùng, tên tổ chức	string	Bắt buộc	
IdentityCard	Số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân.	string	Bắt buộc	
BussinessNumb	Số giấy phép kinh doanh.	string	Không bắt buộc	
Gender	Giới tính: - 1: Nam. - 0: Nữ. - Null: không xác định	boolean	Bắt buộc	

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
Phone	Số điện thoại người dùng.	string	Bắt buộc	Data type: PhoneNumber
Address	Địa chỉ người dùng.	string	Bắt buộc	
Email	Thư cá nhân của người dùng.	string	Bắt buộc	
Fax	Số fax của người dùng.	string	Không bắt buộc	
Attachments	Danh sách các giấy tờ kèm theo của người dùng. Vd: bản chụp thẻ căn cước, cmt, Bản công chứng giấy phép kinh doanh,....	Collection of Attachment	Không bắt buộc	

2.2.4.2 Quy định định dạng dữ liệu gói tin thêm mới Người sử dụng lên Cổng DVC quốc gia (Citizen/UpdateCitizen)

Gói tin thêm mới Người sử dụng từ Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia bao gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON , đường dẫn thực hiện việc gửi gói tin đồng bộ bao gồm tham số hasUpdating với 02 giá trị gồm:

- True: Thêm mới;
- False: Cập nhật (giá trị mặc định).

Các trường thông tin của gói tin được mô tả trong Bảng 7, thông tin chi tiết như sau:

Bảng 7 – Các trường thông tin Citizen/UpdateCitizen

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
UserName	Tài khoản người dùng.	string	Bắt buộc	Data type: EmailAddress

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
PasswordHash	Dữ liệu mật khẩu sau khi đã được băm với muối (private key) PasswordSalt.	Collection of byte	Bắt buộc	
PasswordSalt	Muối dùng để băm mật khẩu.	Collection of byte	Bắt buộc	
FullName	Họ và tên người dùng, tên tổ chức	string	Bắt buộc	
IdentityCard	Số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân.	string	Bắt buộc	
BussinessNumb	Số giấy phép kinh doanh.	string	Không bắt buộc	
Gender	Giới tính: - 1: Nam. - 0: Nữ. - Null: không xác định	boolean	Bắt buộc	
Phone	Số điện thoại người dùng.	string	Bắt buộc	Data type: PhoneNumber
Address	Địa chỉ người dùng.	string	Bắt buộc	
Email	Thư cá nhân của người dùng.	string	Bắt buộc	

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
Fax	Số fax của người dùng.	string	Không bắt buộc	
Attachments	Danh sách các giấy tờ kèm theo của người dùng. Vd: bản chụp thẻ căn cước, cmt, Bản công chứng giấy phép kinh doanh,....	Collection of Attachment	Không bắt buộc	

2.2.4.3 Quy định định dạng dữ liệu gói tin Xóa Người sử dụng trên Cổng DVC quốc gia (Citizen/DeleteCitizen)

Gói tin Xóa Người sử dụng từ Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh gửi lên Cổng DVC quốc gia bao gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON, chi tiết xem bảng 8 – Các trường thông tin Citizen/DeleteCitizen như sau:

Bảng 8 – Các trường thông tin Citizen/DeleteCitizen

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
UserName	Tài khoản người dùng.	string	Bắt buộc	Data type: EmailAddress
PasswordHash	Dữ liệu mật khẩu sau khi đã được băm với muối (private key) PasswordSalt.	Collection of byte	Bắt buộc	
PasswordSalt	Muối dùng để băm mật khẩu.	Collection of byte	Bắt buộc	
FullName	Họ và tên người dùng, tên tổ chức	string	Bắt buộc	

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
IdentityCard	Số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân.	string	Bắt buộc	
BussinessNumb	Số giấy phép kinh doanh.	string	Không bắt buộc	
Gender	Giới tính: - 1: Nam. - 0: Nữ. - Null: không xác định	boolean	Bắt buộc	
Phone	Số điện thoại người dùng.	string	Bắt buộc	Data type: PhoneNumber
Address	Địa chỉ người dùng.	string	Bắt buộc	
Email	Thư cá nhân của người dùng.	string	Bắt buộc	
Fax	Số fax của người dùng.	string	Không bắt buộc	
Attachments	Danh sách các giấy tờ kèm theo của người dùng. Vd: bản chụp thẻ căn cước, cmt, Bản công chứng giấy phép kinh doanh,....	Collection of Attachment	Không bắt buộc	

2.2.4.4 Quy định định dạng dữ liệu gói tin xác thực tài khoản trên Cổng DVC quốc gia (Citizen/Authenticate)

Gói tin xác thực tài khoản giữa Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia bao gồm các thông tin cơ bản được biểu diễn theo XML hoặc JSON, đường dẫn thực hiện việc xác thực tài khoản bao gồm tham số userName and password như sau:

Bảng 9 – Các trường thông tin Citizen/Authenticate

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
userName	Tài khoản người dùng.	string	Bắt buộc	Required
password	Mật khẩu người dùng.	string	Bắt buộc	Required

Đối với Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh chưa có tài khoản người dùng trên Cổng DVC quốc gia, thì sẽ tự động thêm tài khoản người dùng này dựa trên thông tin công dân mà Cổng DVC quốc gia trả về như sau:

Bảng 10 – Các trường thông tin trả về từ Cổng DVC quốc gia

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
UserName	Tài khoản người dùng.	string	Bắt buộc	Data type: EmailAddress
PasswordHash	Dữ liệu mật khẩu sau khi đã được băm với muối (private key) PasswordSalt.	Collection of byte	Bắt buộc	
PasswordSalt	Muối dùng để băm mật khẩu.	Collection of byte	Bắt buộc	
FullName	Họ và tên người dùng, tên tổ chức	string	Bắt buộc	
IdentityCard	Số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân.	string	Bắt buộc	
BussinessNumb	Số giấy phép kinh doanh.	string	Không bắt buộc	
Gender	Giới tính: - 1: Nam. - 0: Nữ. - Null: không xác định	boolean	Bắt buộc	

Tên trường	Mô tả	Kiểu	Yêu cầu	Ghi chú
Phone	Số điện thoại người dùng.	string	Bắt buộc	Data type: PhoneNumber
Address	Địa chỉ người dùng.	string	Bắt buộc	
Email	Thư cá nhân của người dùng.	string	Bắt buộc	
Fax	Số fax của người dùng.	string	Không bắt buộc	
Attachments	Danh sách các giấy tờ kèm theo của người dùng. Vd: bản chụp thẻ căn cước, cmt, Bản công chứng giấy phép kinh doanh,....	Collection of Attachment	Không bắt buộc	

3. PHƯƠNG PHÁP ĐO

3.1. Sử dụng các phương pháp, công cụ để trích xuất gói tin JSON hoặc XML đi ra từ Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh tới Cổng DVC quốc gia.

3.2. Kiểm tra nội dung tập tin đã trích xuất theo các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 2.2.

4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

Quy định về các gói tin cơ bản phục vụ kết nối cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, tỉnh với Cổng DVC quốc gia, trong đó quy định kỹ thuật về định dạng dữ liệu các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; định dạng dữ liệu gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công; định dạng dữ liệu gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; định dạng dữ liệu các gói tin phục vụ đồng bộ người dùng, phục vụ kết nối Cổng DVC, hệ thống MCĐT cấp bộ, tỉnh với Cổng DVC quốc gia phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, cung cấp giải pháp Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; giải pháp kết nối giữa Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành với Cổng DVC quốc gia có trách nhiệm đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn này và chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

5.2. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp giải pháp Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; giải pháp kết nối giữa Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành với Cổng DVC quốc gia có trách nhiệm thực hiện công bố hợp quy phù hợp với Quy chuẩn này. Việc công bố hợp quy thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Việc công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sản phẩm cần được công

bố hợp quy là giải pháp kết nối thành công giữa Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ/tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia với Cổng DVC quốc gia. Kết quả đo kiểm/thử nghiệm phục vụ công bố hợp quy phải thực hiện tại phòng thử nghiệm được chỉ định hoặc công nhận theo quy định hiện hành.

5.3. Cục Tin học hóa có trách nhiệm tiếp nhận đăng ký công bố hợp quy, thực hiện quản lý, hướng dẫn và kiểm tra việc công bố hợp quy.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Tin học hóa, có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra các Cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, cung cấp, khai thác và sử dụng giải pháp Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; giải pháp kết nối giữa Cổng DVC, Hệ thống MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành với Cổng DVC quốc gia thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này trên phạm vi toàn quốc.

6.2. Trong trường hợp các quy định nêu tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
